

HẬU CÔNG ĐỒNG VATICAN II - NHỮNG VẤN ĐỀ GIÁO HỘI CÔNG GIÁO ĐANG PHẢI ĐỐI DIỆN

NGUYỄN HỒNG DƯƠNG^(*)

Năm 2012, Giáo hội Công giáo kỉ niệm 50 năm khai mở Công đồng Vatican II (1962-2012). Sau một thời gian dài chuẩn bị, kì họp đầu tiên của Công đồng được tiến hành từ 11/10 đến 8/12/1962. Mục đích của việc khai mở Công đồng được vị Giáo hoàng đương triều lúc đó, Giáo hoàng Gioan XXIII, tuyên bố: *"Tôi muốn mở lớn các cửa sổ Giáo hội cho chúng ta nhìn ra được và công chúng cũng nhìn vào được"*. Trong bài diễn văn khai mạc, Giáo hoàng Gioan XXIII đưa ra tôn chỉ hướng dẫn Công đồng: "Ngày nay Giáo hội ưa dùng liều thuốc từ bi, hơn là vung chiếc gươm thần chống đỡ, ưa thích đáp ứng nhu cầu hiện tại bằng cách trình bày giáo lí sung mãn của mình hơn là lên án các lạc thuyết⁽¹⁾."

Công đồng Vatican II họp kéo dài từ năm 1962 đến năm 1965, trải qua hai đời Giáo hoàng La Mã là Gioan XXIII và Phaolô VI. Kết thúc, Công đồng đã thông qua 16 văn kiện bao gồm 4 Hiến chế, 9 Sắc lệnh và 3 Tuyên ngôn. Nội dung các văn kiện có thể tóm gọn vào 4 chữ: CANH TÂN - NHẬP THẾ. Công đồng Vatican II đánh dấu sự chuyển động toàn diện của Giáo hội Công giáo trước thời cuộc. Trải thời gian, giá trị của Công đồng đối với Giáo hội Công giáo cũng như thế giới là không thể phủ nhận. "Từ sau Công đồng

Vatican II muốn đề cập đến bất cứ vấn đề nào, theo quan điểm Công giáo, đều phải quy chiếu vào các văn kiện của Công đồng Vatican II"⁽²⁾.

50 năm qua, Giáo hội Công giáo với việc thực hiện đường hướng của Công đồng đã thu được rất nhiều thành tựu mà với Giáo hội là hết sức lạc quan. Việc thực hiện có hiệu quả các vấn đề mà Công đồng đặt ra vẫn là công việc mà Giáo hội Công giáo tiếp tục trên con đường lữ thứ nơi trần gian. Tuy nhiên, cũng ngần ấy thời gian, sau Công đồng Vatican II, Giáo hội Công giáo đang phải đối diện với nhiều nan đề và chắc hẳn vẫn còn tiếp diễn. Đã có nhiều công trình nghiên cứu với độ dài ngắn khác nhau, bàn về vấn đề này⁽³⁾.

Đây là một vấn đề khá rộng lớn, do vậy chúng tôi chỉ đề cập đến một số lĩnh vực có tính quan yếu như dưới đây.

*. PGS. TS., Viện Nghiên cứu Tôn giáo.

1. Hội đồng Giám mục Việt Nam, Ủy ban Giáo lí Đức tin. *Sách giáo lí của Giáo hội Công giáo*, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội, 2010, tr. 242.
2. *Công đồng Vatican II, Hiến chế, Sắc lệnh và Tuyên ngôn*. Tủ sách Đại kết 1995, tr. 5.
3. Chẳng hạn: Mai Thanh Hải. *40 năm Công đồng Vatican II: Mười việc còn dang dở*, Tạp chí Nghiên cứu Tôn giáo, số 4, 5/2005; Nguyễn Văn Dũng. *45 năm Công đồng Vatican II nhìn lại*, Tạp chí Nghiên cứu Tôn giáo, số 3/2011.

1. Lĩnh vực Phụng vụ Thánh

Đây là một trong những lĩnh vực được Công đồng đưa ra thảo luận đầu tiên tại Công đồng và gây nên sự tranh cãi nhiều nhất. Vấn đề mà Giáo hội trước Vatican II phải đối diện là nghi lễ Công giáo rườm rà, hầu hết bằng tiếng Latinh, trong khi tín đồ Công giáo là cư dân của nhiều nước với nhiều ngôn ngữ khác nhau khiến họ hoàn toàn thụ động, không hiểu rõ lời Chúa cũng như lời cầu nguyện mà linh mục tuyên đọc và không có sự đối đáp. Vì vậy, Vatican II cho phép hàng giáo phẩm được thực hành Thánh lễ bằng ngôn ngữ địa phương để gần gũi với tín đồ, tín đồ và linh mục cùng thực hiện nghi lễ phụng vụ chứ không phải là đi “xem lễ” như người giáo dân Việt Nam vẫn nói về việc tham dự Thánh lễ của họ trước Công đồng Vatican II.

Nhạc, bài hát trong phụng vụ Thánh trước cũng sơ cứng, khó đi vào tâm thức của tín đồ, vì vậy Công đồng cho phép giáo hội địa phương được sử dụng “lễ nhạc dân gian”, trang phục của linh mục, tu sĩ cũng có những thay đổi cho phù hợp với văn hóa cũng như khí hậu địa phương.

Tuy nhiên trong quá trình triển khai và thực hiện, Giáo hội Công giáo đã vấp phải những phản ứng trái chiều. Nổi lên là hai khuynh hướng bảo thủ và cấp tiến.

Nếu những người cấp tiến (chiếm số lượng đông đảo) hăng say, hào hứng thay đổi, thì một bộ phận nhỏ theo khuynh hướng bảo thủ đã không chấp nhận canh tân Phụng vụ Thánh. Họ coi đó là phá đạo, đi ngược lại truyền thống Kitô giáo, làm mất đi tính thánh thiêng. Tiêu biểu là giám mục Lefebvre. Về sau, ông lập nên Huynh đoàn Piô X, chống lại việc bãi bỏ nghi lễ phụng vụ Latinh.

Lefebvre cho rằng “đó là các thiên hướng tân Tin Lành và Duy tân thuyết. Vatican được coi là Công đồng có khuynh hướng li giáo. Giáo hoàng đương nhiệm, Benedicto XVI, năm 2009, đã bỏ vạ tuyệt thông với Huynh đoàn Piô X, và năm 2011, Giáo hoàng tiếp tục trở lại vấn đề Huynh đoàn Piô X. Nhằm đưa họ “trở lại đạo”, Tòa Thánh yêu cầu Huynh đoàn phải chấp nhận “những tiền đề đạo lý” nhằm bảo đảm sự trung thành với Huấn quyền của Hội Thánh và cảm thức cùng Giáo hội (*sentire cum Ecclesia*). Nếu Huynh đoàn chấp nhận tuyên ngôn về đạo lý thì có thể bắt đầu nói về cơ cấu pháp lý để hội nhập Huynh đoàn này vào Giáo hội Công giáo. Giải pháp cho vấn đề cơ cấu pháp lý là thành lập Giám hạt tông nhân và quốc tế, tựa như Giám hạt Opus Dei. Nhưng, Huynh đoàn đã tỏ ra lạnh lùng với đề nghị của Tòa Thánh và tiếp tục đưa ra những khiêu khích. Điển hình nhất là các nhà lãnh đạo Huynh đoàn kêu gọi tổ chức hàng ngàn Thánh lễ trên thế giới để chống lại buổi cầu nguyện liên tôn tại Assisi giữa Giáo hoàng Benedicto XVI và các nhà lãnh đạo tôn giáo bạn diễn ra ngày 27/10/2011. Huynh đoàn hiện có khoảng 551 linh mục, 239 chủng sinh, hàng trăm tu sĩ và khoảng 100 ngàn tín hữu. Đầu tháng 12 năm 2011, Huynh đoàn đã chính thức bác bỏ đề nghị thiện chí của Tòa Thánh⁴.

Trong Lễ nhạc Phụng vụ Thánh, bên cạnh ý nghĩa làm cho phù hợp với nền văn hóa địa phương, nhiều ý kiến cho rằng thứ nhạc phụng vụ mới làm mất đi tính thiêng liêng của nghi lễ, “vô số các bài thánh ca được nghe trong các thánh

4. Nguyệt san (NS) *Công giáo và Dân tộc*, Số 205, tháng 1/2012, tr. 54.

lễ có nhạc dân ca, âm thanh giống như bài hát trẻ thơ hơn là một hình thức cầu nguyện. Nhiều người đánh mất vẻ đẹp của âm nhạc trong thời kì trước Vatican II, không còn tìm thấy được những bài hát thánh ca dẫn dắt việc cầu nguyện nữa⁽⁵⁾.

Vấn đề Phụng vụ Thánh được công đồng đưa ra bàn thảo đầu tiên thì đây cũng là một vấn đề vấp phải sự phản ứng đầu tiên và đôi khi là khá gay gắt dẫn đến sự phân li của Huynh đoàn Piô X mà người cầm đầu là Giám mục Lefebvre. Song không chỉ dừng ở đó, Phụng vụ Thánh chính thức trở thành *vấn đề nóng* dưới triều đại của Giáo hoàng Benedicto XVI. Thậm chí là trước đó, khi còn là hồng y, vấn đề Phụng vụ Thánh đã bị lật lại, để rồi khi đăng quang, với chức vị mới - Giáo hoàng Benedicto XVI, việc “canh tân của canh tân” càng có điều kiện khai triển. “Giáo hoàng Benedicto XVI hành động một cách hết sức có tính toán, và không có lí do gì để tin là Ngài hết quan tâm tới việc canh tân phụng vụ. Trái lại, khi Ngài cho công bố *Tông thư Summorum Pontificum*, cho phép sử dụng rộng rãi nền phụng vụ Latinh cổ truyền, Ngài đã cho hay việc sử dụng rộng rãi hình thức cử hành ngoại thường này chắc chắn sẽ sản sinh ra một phong trào hướng tới cuộc canh tân mà nhiều người đang mong chờ”. Và một điều bất ngờ, năm 2009 vị Giáo hoàng canh tân của canh tân đã bỏ vạ tuyệt thông cho các giám mục của Huynh đoàn Piô X⁽⁶⁾.

Giám mục Guido Marini, người phụ trách nghi lễ của Giáo hoàng cho biết, Giáo hoàng hi vọng dẫn đến “một cải tổ của cải tổ”, gợi ý chứ không ra lệnh cho những thay đổi về phụng vụ như: giáo dân quỳ rước lễ bằng lưỡi, đặt Thánh giá

ở trung tâm bàn thờ và cử hành Thánh lễ hướng về bàn thờ. Vị Giám mục phụ trách về nghi lễ của Giáo hoàng cho biết: “Mục tiêu của Đức Thánh cha là hai hình thức nghi lễ Roma nhìn nhau dưới sự bình đẳng lớn lao, ý thức rằng cả hai đều thuộc về đời sống Giáo hội, và rằng không có cái nào duy nhất diễn đạt đúng đắn đích thực, nhưng đúng hơn là cả hai hình thức của nghi lễ Roma có thể làm cho nhau phong phú hơn⁽⁷⁾”.

Vậy là vấn đề Phụng vụ Thánh đang được quan phương đặt lại ở một số chiều cạnh.

2. Vấn đề tu trì và ơn gọi linh mục

Với đời sống tu trì, do ảnh hưởng của phong trào tục hóa phát triển khá mạnh từ những năm 60 của thế kỉ XX nên xuất hiện hàng loạt giáo sĩ, tu sĩ xin hồi tục. Còn một nguyên nhân nữa là bậc tu trì cảm thấy sự thánh thiện của đời sống tu trì không được đề cao hơn tất cả các ơn gọi khác.

Về ơn gọi linh mục: Một mặt các linh mục xin hoàn tục, mặt khác thanh niên Công giáo ở các nước Tây Âu và ngay tại nước Mỹ cũng không còn mặn mà với ơn gọi linh mục. Chẳng những thế, do đời sống độc thân mất đi khả tín, sự sa đoạ về phẩm hạnh của một số lượng đáng kể linh mục, khâu tuyển chọn, đào tạo không có điều kiện thực hiện kĩ lưỡng, chưa phù hợp với tâm lí con người trong xã hội hiện đại, v.v... đã là những

5. Maureen Sullivan, OP. *101 câu hỏi và trả lời Công đồng Vatican II*, Linh mục Phêrô Trương Văn Khoa chuyển ngữ, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội, 2004, tr. 88.

6. NS *Công giáo và Dân tộc*, số 181, tháng 1/2010, tr. 70.

7. Tuần báo *Công giáo và Dân tộc*, số 1748, (3/2010).

nguyên nhân căn bản dẫn đến những vụ ấu dâm (cưỡng hiếp trẻ em đồng giới của linh mục) được gọi là lạm dụng tình dục liên tiếp xảy ra, gây nên sự đổ vỡ to lớn cho uy tín và cơ cấu của Giáo hội. Từ đó làm dấy lên làn sóng phản đối lối sống độc thân của linh mục trong xã hội cũng như trong bản thân hàng ngũ linh mục. Nhiều linh mục chống đối bằng việc bất chấp lễ luật để vi phạm. Mặc dù vậy, Giáo hội trước sau vẫn thi hành luật độc thân, cho đó là “quà tặng của Thiên Chúa”. Năm 2010 được Giáo hội lấy làm “năm cho linh mục”, hướng về việc đào tạo nhân bản cho linh mục, nhằm tạo nên bậc thay mặt Thiên Chúa như “Lòng Chúa mong đợi”. Giáo hoàng Benedicto XVI nhiều lần công khai xin lỗi thế giới về những tội lỗi mà con cái của Ngài đã phạm về tội ấu dâm. Một số vụ việc nghiêm trọng đã bị đưa ra tòa án phần đời xét xử.

Ngày 12/4/2010, Tòa Thánh phổ biến tài liệu trình bày phương thức để đáp ứng các tố cáo về nạn ấu dâm, theo đó Tòa Thánh sẽ cộng tác với các giám mục địa phương để loại trừ các linh mục phạm tội ra khỏi linh vực tư tế.

Giáo hội cũng từ chối việc truyền chức linh mục cho phụ nữ. Mặc dù vậy, Giáo hội lại chấp nhận mở cửa để người Anh giáo và Tin Lành giáo gia nhập Giáo hội Công giáo trong khi vẫn giữ căn tính truyền thống của mình là: Truyền chức cho phái nữ và linh mục xây dựng gia đình.

3. Cuộc khủng hoảng đức tin hay là công cuộc Tái truyền giảng Tin Mừng

Cuộc khủng hoảng đức tin với chỉ báo ngày hôm nay là kết quả của một diễn tiến lâu dài. Mặc dù vấn đề đã được tiên lượng từ Công đồng Vatican II với

những sắc lệnh và tuyên ngôn như *Sắc lệnh về tông đồ giáo dân*, *Sắc lệnh về truyền giáo của Giáo hội*, *Tuyên ngôn về giáo dục Kitô giáo*, nhưng cùng với thời gian, cuộc khủng hoảng đức tin Kitô giáo không những không giảm đi mà còn phát triển và có dấu hiệu trở thành căn bệnh trầm kha mà dù muốn, dù không Giáo hội Công giáo hiện đang phải “thọ bệnh”. “Thật vậy, nếu ở thời Trung cổ bên Âu Châu, người ta lo trừ quỷ, thì ngày nay, ở một số nước bên Âu Châu như Pháp hay Italia, một nước có trung tâm Giáo hội Công giáo toàn cầu, từng đóng vai trò “thủ đô” của “đế chế Công giáo” trong nhiều thế kỉ - người ta lại lo bài trừ tôn giáo, loại trừ Thiên Chúa ra khỏi trần gian, và hô hào xóa bỏ những dấu vết Kitô giáo, chẳng hạn như ảnh tượng và thập giá trong các trường học, v.v... Tại Roma, người ta còn yêu cầu dùng gọi thành phố này là “Thành Thánh Roma” nữa... Nhưng có điều khó hiểu và đáng lo ngại là chuyện suy thoái hiện nay lại xảy ra ngay sau Công đồng Vatican II, một Công đồng mà Giáo hoàng Gioan XXIII gọi là *Aggiornamento*, “cập nhật hóa” hay là canh tân, đổi mới”⁽⁸⁾.

Một trong những vấn đề mà vị giáo hoàng thứ 265 của Giáo triều Roma, Giáo hoàng Benedicto XVI, quan tâm là cuộc khủng hoảng đức tin. Chính vì vậy, ngày 29/6/2010, nhân dịp mừng kính trọng thể hai thánh tông đồ: Phêrô và Phaolô, Giáo hoàng Benedicto XVI loan báo thành lập hội đồng mới của Tòa Thánh chuyên về việc tái rao giảng Tin Mừng cho các nước có truyền thống Kitô

8. NS *Công giáo và Dân tộc*, số 205, tháng 1/2012, tr. 7, 8.

giáo lâu đời. Mục tiêu mà hội đồng này nhắc tới dĩ nhiên là các nước Phương Tây, nơi mà trào lưu tục hóa ngày càng lan rộng.

Hội đồng được thành lập vào tháng 5 năm 2011 và Giáo hoàng Benedicto XVI bổ nhiệm Giám mục Rino Fisichella, người Italia, làm chủ tịch tiên khởi của Hội đồng⁽⁹⁾.

Cơ quan thánh bộ mới này là Hội đồng Giáo hoàng, và là lần đầu tiên được thiết lập trong triều đại của Giáo hoàng Benedicto XVI. Năm 1985, cố Giáo hoàng Gioan Phaolô II đã thiết lập Hội đồng Giáo hoàng đặc trách về Mục vụ Y tế trong triều đại của ông.

Mặc dù vậy, vấn đề khủng hoảng đức tin vẫn đang là nỗi niềm canh cánh của vị giáo hoàng đương nhiệm. Trong buổi tiếp kiến các hồng y và các chức sắc Tòa Thánh đến chúc mừng Ngài sáng 22/12/2011, nhân dịp Giáng sinh và năm mới, Giáo hoàng Benedicto XVI đã kiểm điểm sinh hoạt của Tòa Thánh trong năm 2011. Hiện diện tại sảnh đường Clementina trong dinh tông tòa, trong buổi tiếp kiến từ lúc 11 giờ sáng có 45 hồng y và trên 50 giám mục cùng một số giám chức khác và nhân viên trong Phủ Giáo hoàng. Sau lời dẫn nhập, Giáo hoàng đi sâu vào một số chủ đề, trong đó có chủ đề *Khủng hoảng đức tin*⁽¹⁰⁾. Với chủ đề này vị giáo hoàng đương nhiệm đã đưa ra những suy tư: “Thực ra chủ đề lớn của năm nay, cũng như những năm tương lai là làm thế nào loan báo Tin Mừng ngày nay? Làm sao để đức tin trong tư cách là một sức mạnh sống động và sinh tử, có thể trở thành thực trạng ngày nay? Xét cho cùng, các biến cố Giáo hội trong năm

sắp kết thúc đều quy vào chủ đề này... Việc thành lập Hội đồng Tòa Thánh cổ vũ tái truyền giảng Tin Mừng, đồng thời cũng là một điều đi trước Thượng Hội đồng Giám mục Thế giới cùng đề tài vào năm tới. Trong bối cảnh đó có *Năm Đức Tin* được loan báo nhân kỷ niệm 50 năm khai mạc công đồng chung Vatican II. Mỗi biến cố đều có những điểm nhấn mạnh riêng. Tại Đức, nơi mà phát sinh cuộc cải cách, dĩ nhiên là vấn đề đại kết, với tất cả những vất vả và hi vọng đi kèm, có nhiều tầm quan trọng đặc biệt. Gắn liền với vấn đề đại kết, một câu hỏi luôn luôn ở trung tâm các cuộc tranh luận, đó là: cuộc cải tổ Giáo hội là gì? Nó xảy ra như thế nào? Đây là con đường và những mục tiêu của cuộc cải tổ? Không những các tín hữu mà cả những người ngoài đều lo lắng nhận thấy rằng những người thường xuyên đi nhà thờ ngày càng là những người già và con số họ liên tục giảm sút; tại sao có tình trạng trì trệ trong ơn gọi linh mục; tại sao chủ nghĩa hoài nghi và thái độ không tin ngày càng gia tăng. Vậy chúng ta phải làm gì?... Nòng cốt cuộc khủng hoảng của Giáo hội Âu Châu - như tôi đã nói tại thành phố Freiburg - chính là cuộc khủng hoảng đức tin. Nếu chúng ta không tìm được câu trả lời cho cuộc khủng hoảng này thì đức tin không thể phục hồi sức sinh động; nếu đức tin không trở thành một xác tín sâu xa và là sức mạnh thực sự nhờ cuộc gặp gỡ với Chúa Giêsu Kitô, thì tất cả những cải tổ khác sẽ không hiệu quả”⁽¹¹⁾.

9. Tuần báo *Công giáo và Dân tộc*, số 1815-1816, (8/7-14/7/2011).

10. NS *Công giáo và Dân tộc*, số 205, tháng 01/2012, tr. 41,42.

11. NS *Công giáo và Dân tộc*, số 1/2012, tr. 42, 43.

Quy nguyên về đức tin, lo lắng cho sự khủng hoảng đức tin, Giáo hoàng Roma cùng với Giáo hội Công giáo đã và đang đi tìm thần dược để chữa trị. Tạm thời Giáo hội đang nuôi một niềm tin như một vị linh mục, người trong cuộc: “cuộc khủng hoảng hiện nay của Giáo hội Công giáo là hậu quả tất yếu của công cuộc đổi mới. Đây có thể ví như một cuộc khổ nạn để bước vào mùa Phục sinh. “Đức Kitô phải chịu khổ hình, chịu chết rồi mới vào được trong vinh quang của Người” (XLC 24, 26.46)”⁽¹²⁾.

4. Vấn đề đại kết - Chặng đường còn lắm chông gai

Trước Công đồng Vatican II, Giáo hội Công giáo không công nhận các giá trị của các tôn giáo khác ngoài Kitô giáo. Quan điểm của Giáo hội là loài người chỉ có thể được cứu chuộc nhờ tin vào Đức Giêsu Kitô và sống phù hợp với niềm tin ấy. Hay nói một cách khác, rằng: Không thể có ơn cứu độ ngoài Kitô giáo. Với tín lí khát khe như vậy, trong quá trình tồn tại, phát triển, nhất là trong hoạt động truyền giáo ra vùng “dân ngoại” như Châu Á, trong đó có Việt Nam là một trong những quốc gia đa tôn giáo, đa văn hóa với truyền thống lâu đời, Giáo hội đã gây ra những hậu quả hết sức nặng nề, kéo dài đối với nhiều phương diện tín ngưỡng, tôn giáo, xã hội và cả đối với chính Giáo hội Công giáo. Chính sự “cao đạo” của Giáo hội Công giáo khiến họ trở thành mục tiêu bị tấn công từ nhiều phía, nhiều phương diện, đặc biệt trong các thế kỉ XVII-XVIII của thời kì Ánh Sáng. Cuộc cách mạng Tư sản Pháp (cuối thế kỉ XVIII) không chỉ tấn công vào quyền năng của Giáo hội mà còn mở đầu cho phong trào “phi Công

giáo hóa”, tục hóa ở Châu Âu rồi sau đó lan ra thế giới. Đó còn là nguyên nhân khiến Giáo hội phải CO, XIẾT LẠI, gồng mình nhưng để thế thủ với một công đồng - Công đồng Vatican I năm 1870.

Với cách mạng tư sản nổ ra ở nhiều nước trên thế giới, sự ra đời của nhà nước tư bản, đặc biệt là sau chiến tranh thế giới thứ II, Liên Hiệp Quốc qua bản *Tuyên ngôn quốc tế về nhân quyền* (1948), Điều 18, đề cập đến quyền tự do tôn giáo. Theo đó “Mọi người đều có quyền tự do tư tưởng, tự do theo lương tâm và tự do tín ngưỡng. Quyền này bao gồm cả quyền tự do thay đổi tôn giáo và tín ngưỡng cũng như quyền tự do bày tỏ tôn giáo hay tín ngưỡng, một cách cá nhân hay tập thể, riêng tư hay công khai trong việc giáo dục, hành đạo, thờ phụng và lễ nghi”⁽¹³⁾. Song với Giáo hội Công giáo thì mãi đến phiên họp ngày 7/12/1965, trong khóa họp IX, Giáo hoàng Phaolô VI mới công bố *Tuyên ngôn về Tự do Tôn giáo* (Dignitatis Humanae - Phẩm giá con người), một trong 4 văn kiện đã phải nhiều lần tranh cãi, sửa đổi, bổ sung⁽¹⁴⁾.

Đoạn 2 của Tuyên ngôn viết: “Thánh Công đồng Vaticanô này tuyên bố con người có quyền tự do tôn giáo. Quyền tự do này hiện tại con người không bị chi phối vì sự cưỡng bách của cá nhân, đoàn thể xã hội hay bất cứ quyền bính trần gian nào khác. Với ý nghĩa đó, trong lĩnh vực tôn giáo, không ai bị ép buộc hành động trái với lương tâm, cũng không ai bị ngăn cấm hành động theo lương tâm,

12. NS Công giáo và Dân tộc, số 1/2012, tr. 10.

13. Nguyễn Hồng Giáo. *Giáo hội lễ hành*, Học viện Phanxicô, 2005, tr. 105.

14. Văn phòng Tổng Thư kí Hội đồng Giám mục Việt Nam. *Giáo hội Công giáo Việt Nam, Niềm giám* 2004, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội, 2004, tr. 96.

dù cho đó là hành động riêng tư hay công khai, một mình hay cùng với người khác, trong những giới hạn chính đáng. Hơn nữa, Thánh Công đồng còn tuyên bố rằng, tự do tôn giáo thực sự được xây dựng trên phẩm giá con người, một phẩm giá đúng như lời Thiên Chúa mạc khải và chính lý trí cho biết được. Quyền tự do tôn giáo của con người trong cơ cấu pháp lý của xã hội phải được chấp nhận là một quyền lợi dân sự⁽¹⁵⁾. Ngày nay, lời tuyên bố này của Giáo hội nghe có vẻ tầm thường và đương nhiên phải như vậy, nhưng vào thời điểm đó là một cuộc “vật vã” của các nghị phụ với những cuộc tranh luận khó khăn, quyết liệt, có lúc tưởng như bế tắc khi được thông qua với 2.308 phiếu thuận và 70 phiếu chống (số phiếu chống khá cao). Tuyên ngôn mang một ý nghĩa to lớn, khai mở một kỉ nguyên mới cho mối liên lạc của Giáo hội với thế giới hiện đại.

Một Tuyên ngôn khác cũng cần phải kể đến, đó là Tuyên ngôn về liên lạc của Giáo hội với các tôn giáo ngoài Kitô giáo, *Nostra Aetate* (Thời đại chúng ta), công bố ngày 28/10/1965, một văn kiện ngắn chỉ có 5 đoạn. Đoạn 2 thông qua Tuyên ngôn Giáo hội công nhận giá trị các tôn giáo, tín ngưỡng ngoài Kitô giáo như Phật giáo, Islam giáo... Khi viết: “Giáo hội Công giáo không hề phủ nhận những gì là chân thật và thánh thiện nơi các tôn giáo đó. Với lòng kính trọng chân thành, Giáo hội xét thấy những phương thức hành động và lối sống, những huấn giáo và giáo thuyết kia, tuy rằng có nhiều điểm khác với chủ trương mà Giáo hội duy trì, nhưng cũng thường đem lại ánh sáng của chân lý, chân lý chiếu soi cho hết mọi người.

Vì thế, Giáo hội khuyến khích con cái mình nhìn nhận, duy trì và cổ động cho những thiện ích thiêng liêng cũng như luân lý và những giá trị xã hội văn hóa của các tín đồ thuộc các tôn giáo khác, bằng con đường đối thoại và hợp tác cách thận trọng và bác ái với tín đồ các tôn giáo ấy”⁽¹⁶⁾. Như vậy, lần đầu tiên Giáo hội Công giáo đã có được một cái nhìn khách quan về các tôn giáo dù rằng trong Tuyên ngôn người ta vẫn thấy còn sự cao đạo khi viết ngay sau khi công nhận các giá trị chân lý của các tôn giáo ngoài Kitô rằng: Tuy nhiên Giáo hội rao giảng và có bổn phận phải kiên trì rao giảng Chúa Kitô, Đấng là “đường sự thật và sự sống” (Gio. 14,6) nơi Người, con người tìm thấy đời sống tôn giáo sung mãn nhờ Người, Thiên Chúa giao hòa mọi sự với mình”.

Qua Sắc lệnh và Tuyên ngôn trên cho thấy vấn đề đại kết được Giáo hội Công giáo tiếp cận ở hai chiều kích: Một là từ phía những tôn giáo thuộc Kitô giáo mà trước đây Giáo hội coi là bội giáo, li khai, thệ phản; Hai là từ phía những tín ngưỡng, tôn giáo ngoài Kitô giáo mà trong thâm căn cố đế bị Giáo hội coi là Đạo dối, Dị đoan, đồng nhất với ma quỷ.

Vị Giáo hoàng “sốt sáng” trong việc thực hiện quan hệ với các tôn giáo thuộc Kitô giáo là Giáo hoàng Gioan Phaolô II. Trong 8 văn kiện của Tòa Thánh về liên tôn, có tới 6 văn kiện được công bố dưới triều đại của ông. Đó là:

1. Thông điệp *Redemptor Hominis* (4/3/1979)

15. *Công đồng Vatican II – Hiến chế, Sắc lệnh và Tuyên ngôn*, Tủ sách Đại kết 1995, tr. 673.

16. *Công đồng Vatican II – Hiến chế, Sắc lệnh và Tuyên ngôn*, Sdd, tr.695

2. Thông điệp *Dominum et Vivificatem* (18/5/1986)

3. Thông điệp *Redemptoris Missio* (7/12/1990)

4. Tông thư *Tertio Millennio Adveniente* (10/11/1994)

5. Tông huấn *Ecclesia Asia* (6/11/1999)

6. Tuyên ngôn *Dominus Jesus* (6/8/2000)

Trong các văn kiện trên, có văn kiện đi thẳng vào vấn đề đối thoại liên tôn: “Đối thoại liên tôn là một phần của sứ mạng truyền giáo của Giáo hội. Được hiểu như một phương thế và một phương tiện cho sự hiểu biết lẫn nhau và sự phong phú hóa, đối thoại liên tôn không mâu thuẫn với sứ mạng truyền giáo cho muôn dân; trái lại nó có những liên kết đặc biệt với sứ mạng này và là một trong những biểu hiện của sứ mạng đó” (*Redemptoris Missio*, 55). Nhưng cũng có văn kiện như Tuyên ngôn *Dominus Jesus* (6/8/2000) công bố vào Năm Thánh 2000, với ấn kí của Hồng y Josep Ratzinger, bấy giờ là Tổng Bộ trưởng Bộ Giáo lí và Đức tin (từ năm 2005 là Giáo hoàng Benedicto XVI) gây nhiều phản ứng trong Giáo hội Công giáo, trong Giáo hội Kitô giáo khác và các tôn giáo ngoài Kitô giáo. Việc Tuyên ngôn tuyên bố “Duy nhất tính và phổ quát tính nơi mẫu nhiệm cứu độ của Chúa Kitô” đã hạn chế suy tư của các nhà thần học tôn giáo và gây trở ngại cho công cuộc đối thoại liên tôn và đại kết đang trên đường phát triển.

Giáo hoàng Benedicto XVI ban hành *Tông huấn Verbum Domini* (30/9/2010). Tông huấn được xem như “thần học về Lời Chúa” với 3 phần chính (1) Lời Thiên

Chúa, (2) Lời Chúa trong Hội Thánh, (3) Lời Chúa cho thế giới. Phần III Tông huấn nêu giá trị của đối thoại liên tôn trong tương quan với việc công bố Lời Chúa⁽¹⁷⁾.

Để công việc đối thoại liên tôn thành sự, vào Chúa nhật lễ Hiện xuống năm 1964, Giáo hoàng Phaolô VI đã thiết định một cơ quan chuyên biệt của Giáo triều Roma phụ trách việc quan hệ với những tín đồ thuộc các tôn giáo khác. Ban đầu cơ quan này mang tên là Văn phòng về những tín hữu ngoài Kitô giáo, đến năm 1988, đổi thành Hội đồng Tòa Thánh về Đối thoại Liên tôn. Hội đồng có nhiệm vụ:

1. Cổ vũ sự hiểu biết, tôn trọng và hợp tác với nhau giữa Công giáo và các tín đồ thuộc các truyền thống tôn giáo khác;

2. Khuyến khích việc nghiên cứu về tôn giáo;

3. Đào tạo những người chuyên trách về đối thoại⁽¹⁸⁾.

Một sự kiện không thể không kể đến của đối thoại liên tôn đó là “Cuộc gặp gỡ ASSISI 27/10/1986 và những biến cố tiếp theo”. Ngày này đã có 62 nhà lãnh đạo Kitô giáo và các tôn giáo khác trên thế giới, trong những mẫu áo khác nhau, về thành phố (ASSISI) của Thánh Phanxicô. Vương cung thánh đường Phanxicô, nơi tiếp đón các phái đoàn, nổi bật với sự đơn giản, các bông hoa, cành ô liu và ghế ngồi khác nhau... Các ngài đã cầu nguyện và suy ngẫm về trách nhiệm thực thi hòa bình. Việc làm này mở đầu cho những hoạt động cầu nguyện tiếp theo

17. Huệ Tâm. *Đối thoại Liên tôn trong giáo huấn của Giáo hội từ Công đồng Vatican II*, Bản tin Hiệp thông số 67 (tháng 10/2011), tr. 10-25.

18. *Hội đồng Tòa Thánh về Đối thoại Liên tôn*. Bản tin Hiệp thông số 67, tr. 67, 68.

giữa người đứng đầu Giáo triều Roma với các lãnh tụ của các tôn giáo như Do Thái giáo, Islam giáo. Chẳng hạn ngày 24/01/2002 có tới đại diện 11 tôn giáo lớn của thế giới đến ASSISI để sống ngày cầu nguyện cho hòa bình.

Kế nhiệm Giáo hoàng Gioan Phaolô II, Giáo hoàng Benedicto XVI tuyên bố sẽ hành hương về ASSISI vào tháng 10 (2011). Và hoạt động đã diễn ra đúng như lịch trình (ngày 27/10/2011).

Như vậy, Giáo hội Công giáo, mà tiêu biểu là người đứng đầu Giáo triều Roma đã có nhiều việc làm cho công việc Liên tôn giáo. Công việc này bước đầu thu được những kết quả ở Châu Á ngay từ khi thành lập Liên Hội đồng Giám mục Á Châu (11/1970). Ở hội nghị đầu tiên này các giám mục Á Châu đã khẳng định “Đối thoại với anh chị em Á Châu, những người dẫn thân cho một niềm tin khác, ngày càng trở nên quan trọng”⁽¹⁹⁾. Tại Việt Nam công cuộc đối thoại liên tôn của Giáo hội Công giáo đặc biệt kể từ năm 1980 đã tỏ rõ sự hòa hợp tôn giáo ở Việt Nam. Công việc được tiến hành bền bỉ và đã thu được những thành tựu bước đầu.

Với Giáo hội Công giáo Hoàn vũ, thành tựu đáng kể nhất là đã có được một số lượng tín đồ Anh giáo gia nhập Công giáo La Mã, theo đó là những giáo phận tông nhân được thành lập nhưng họ vẫn được giữ quyền tự trị từng phần

và nghi lễ Anh giáo. Đó là theo *Tông huấn Anglicanorum* mà Giáo hoàng Benedicto XVI công bố tháng 11/2009.

Nhưng công việc đại kết (liên lạc giữa những anh em Kitô giáo) và Liên tôn (hòa hợp) với các tôn giáo ngoài Kitô giáo hiện vẫn còn muôn vàn trắc trở. Với Chính Thống giáo, đối thoại thần học giữa Công giáo với tôn giáo này đang gặp khó khăn về quyền tối thượng của Giáo hoàng và theo Hồng y Kurt Koch, Chủ tịch Tòa Thánh Hiệp nhất các tín hữu Kitô, cuộc đối thoại này không thể tiến triển được, bao lâu nay chưa có một công đồng chung liên Chính Thống giáo⁽²⁰⁾.

Việc Công giáo đối thoại với các tôn giáo ngoài Kitô giáo càng khó khăn hơn bởi *Tuyên ngôn Dominus Jesus* (6/8/2000) với tuyên bố: Dung nhất tính và phổ quát tính nơi mầu nhiệm cứu độ của Chúa Kitô. Và mục đích của đối thoại liên tôn mà Công giáo nhắm tới là đem Tin Mừng đến với các tôn giáo này. Một điều mà chắc chắn các tôn giáo ngoài Kitô giáo không thể chấp nhận. Do vậy, công việc đối thoại liên tôn mà Công giáo đang theo đuổi hiện vẫn chỉ là “Một dấu chỉ về niềm hi vọng”. /.

19. Linh mục Phêrô Đình Ngọc Lâm. *Liên Hội đồng Giám mục Á Châu và Đối thoại Liên tôn*. Bản tin Hiệp thông số 67, tr. 27.

20. *Khó khăn trong cuộc đối thoại Công giáo và Chính Thống giáo*, Tuần báo Công giáo và Dân tộc, số 1843 (2/2012).